

## BÁO CÁO

### Thẩm tra Báo cáo công tác năm 2022 và nhiệm vụ công tác năm 2023 của UBND tỉnh

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh về việc thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh Khóa XII, Ban Pháp chế đã chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức họp thẩm tra Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về công tác năm 2022 và nhiệm vụ công tác năm 2023. Ban Pháp chế báo cáo kết quả như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2022

Ban Pháp chế thống nhất với đánh giá của UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác năm 2022 với những nội dung chủ yếu sau:

##### 1. Về thực hiện chương trình công tác và Quy chế làm việc

UBND tỉnh đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy và nghị quyết HĐND tỉnh, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh để tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo chương trình công tác năm 2022 đề ra<sup>1</sup>.

Trong năm, UBND tỉnh đã ban hành 5.250 các loại văn bản chỉ đạo<sup>2</sup>; chủ động đề nghị Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến, giải quyết các nội dung cấp thiết theo thẩm quyền; đồng thời đã trình HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết theo quy định của pháp luật<sup>3</sup>. Các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành đúng quy trình, thẩm quyền và phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

Trong chỉ đạo, điều hành đã bám sát lãnh đạo của Tỉnh ủy, tuân thủ quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của UBND tỉnh; thực hiện tốt nguyên tắc làm việc gắn trách nhiệm của tập thể với trách nhiệm của Chủ tịch, các Phó

<sup>1</sup> Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 với 88 nội dung công việc UBND tỉnh giao cho Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2022, đã giao 71 nội dung công việc trọng tâm cho Thủ trưởng các sở, ban ngành, địa phương; đến nay các đơn vị đã hoàn thành 52 nội dung công việc được giao, 19 nội dung đang tiếp tục triển khai thực hiện.

<sup>2</sup> Gồm: 1.274 quyết định (trong đó có 31 quyết định quy phạm pháp luật, 625 quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh, 618 quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); 06 Chỉ thị; 04 Công điện; 3.530 công văn, 150 tờ trình, 286 báo cáo.

<sup>3</sup> Ban hành 73 nghị quyết các loại (60 nghị quyết cá biệt, 13 nghị quyết quy phạm pháp luật).

Chủ tịch và từng Ủy viên UBND tỉnh; giải quyết công việc theo quy trình chặt chẽ; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trên mọi lĩnh vực.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các Ban xây dựng đảng của tỉnh và các cơ quan Tư pháp trên địa bàn tỉnh trong công tác chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh. Kịp thời tiếp thu, giải trình, trả lời và chỉ đạo giải quyết các kiến nghị của cử tri; các kết luận, kiến nghị của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh qua hoạt động giám sát, thẩm tra và ý kiến chất vấn của đại biểu tại các kỳ họp với tinh thần trách nhiệm cao.

## **2. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

Năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định và phát triển đạt được nhiều kết quả<sup>4</sup>. Nhiều chỉ tiêu quan trọng của tỉnh đạt và tăng so với cùng kỳ năm 2021 như: tổng vốn đầu tư toàn xã hội<sup>5</sup>; thu ngân sách nhà nước<sup>6</sup>; kim ngạch xuất khẩu<sup>7</sup>; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công<sup>8</sup>; các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, các cây trồng chủ lực... được tập trung phát triển; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được chú trọng; các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được quan tâm; cơ sở vật chất giáo dục, đào tạo tiếp tục được đầu tư; tình hình dịch bệnh được kiểm soát; chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện; cải cách thủ tục hành chính thường xuyên được chỉ đạo; công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp được triển khai quyết liệt; kỷ luật, kỷ cương hành chính từng bước được nâng cao; công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện thường xuyên; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

<sup>4</sup> Ước tính tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2022 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 17.725 tỷ đồng, tăng 10,13% so với cùng kỳ năm trước. GRDP bình quân đầu người tăng từ 46,78 triệu đồng năm 2021 lên 52,02 triệu đồng năm 2022, đạt 100,03% kế hoạch.

<sup>5</sup> Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện đạt khoảng 23.191 tỷ đồng, đạt 100,83% kế hoạch và tăng 15,95% so với cùng kỳ.

<sup>6</sup> Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao 4.000 tỷ đồng; thực hiện thu 10 tháng đầu năm là 3.359,98 tỷ đồng, đạt 120,5% dự toán Trung ương giao, đạt 84,0% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và bằng 136,8% cùng kỳ năm trước; ước thực hiện cả năm 4.000 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

<sup>7</sup> Kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2022 tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ với giá trị đạt 263 triệu USD, bằng 97,41% kế hoạch; ước thực hiện cả năm 320,80 triệu USD, đạt 118,81% kế hoạch và tăng 10,43% so với cùng kỳ.

<sup>8</sup> Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 Trung ương đã giao là 3.012,8 tỷ đồng (bao gồm cả 672,4 tỷ đồng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và 108,29 tỷ đồng nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội); trên cơ sở kế hoạch vốn Trung ương giao, địa phương đã giao tổng số kế hoạch vốn năm 2022 là 4.045 tỷ đồng. Tính đến ngày 20 tháng 10, toàn tỉnh đã giải ngân 1.528,8 tỷ đồng, đạt 45,17% so với thực nguồn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 địa phương đã giao (3.385 tỷ đồng) và đạt 50,74% kế hoạch vốn Trung ương giao (3.012,8 tỷ đồng). Nếu không tính nguồn vốn các Chương trình MTQG và nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội vừa được phân bổ thì tỷ lệ giải ngân đạt 58,3% so với kế hoạch vốn địa phương giao và đạt 68% so với kế hoạch vốn Trung ương giao đầu năm.

### **3. Về hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân**

Ban Pháp chế thống nhất với đánh của UBND tỉnh. Ngoài ra, Ban nhận thấy còn có một số khó khăn, tồn tại đó là: công tác phối hợp tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ của một số sở, ngành, UBND huyện, thành phố có mặt còn hạn chế, chưa kịp thời; thực trạng về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, phát triển cây dược liệu, trồng rừng hiệu quả chưa cao, các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, các loại hình Hợp tác xã hoạt động với quy mô nhỏ lẻ, hiệu quả thấp, chưa tạo được chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm...; việc xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp chưa hiệu quả; công tác đền bù, bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án, công trình quan trọng của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, kéo dài; tiến độ đầu tư, thực hiện một số dự án, công trình còn chậm...; tình trạng vi phạm lâm luật, tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp; vi phạm pháp luật về đất đai còn xảy ra; công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị, kinh tế - xã hội nhiều khó khăn, hạn chế; cải cách thủ tục hành chính một số lĩnh vực chưa tốt, còn dư luận gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; nguồn nhân lực về y tế và giáo dục còn thiếu hụt; công tác chuẩn bị một số nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh còn chậm, chất lượng chưa đảm bảo.

## **II. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023**

Ban Pháp chế thống nhất với các mục tiêu, giải pháp trọng tâm năm 2023 của UBND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm thêm một số nội dung sau:

1. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

2. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; nâng cao các chỉ số về năng lực cạnh tranh (PCI); sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và dịch vụ hành chính công.

3. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên, môi trường; chú trọng bảo vệ, phát triển các loại rừng, đẩy mạnh tiến độ phát triển cây dược liệu, trồng mới rừng đạt kết quả theo mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

4. Nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra nhất là các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực như: đất đai, bồi thường, đầu tư xây dựng, giải quyết thủ tục hành chính công...; theo dõi, đôn đốc thực hiện nghiêm các kết luận sau thanh tra.

5. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế, lâm nghiệp, tham nhũng, ma túy, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người...; đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án trọng điểm, các vụ việc dư luận quan tâm.

6. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

7. Chuẩn bị tốt các nội dung trình HĐND tỉnh theo quy định; thực hiện đúng các nội dung đã hứa với đại biểu HĐND và cử tri thông qua trả lời chất vấn, trả lời kiến nghị của cử tri; chỉ đạo giải quyết các kiến nghị qua giám sát của HĐND<sup>9</sup>, Thường trực HĐND<sup>10</sup>, các Ban của HĐND<sup>11</sup>, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh.

Ban Pháp chế kính trình HĐND tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 4 xem xét./.

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**TM. BAN PHÁP CHẾ  
TRƯỞNG BAN**

**Trần Bá Tuấn**

<sup>9</sup> (1) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế và công tác khám chữa bệnh đối với người dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng và hỗ trợ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Giám sát tình hình triển khai thực hiện Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn ngân sách địa phương uỷ thác qua ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; (3) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

<sup>10</sup> (1) Giám sát hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Giám sát tình hình hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Luật Hợp tác xã năm 2012; (3) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh năm 2022.

<sup>11</sup> (1) Giám sát về tình hình chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; (2) Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Phương án cho thuê rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp phát triển cây Sâm Ngọc Linh tại huyện Đăk Glei và Tu Mơ Rông; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững, kết hợp kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (3) Giám sát công tác đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và hiệu quả sử dụng các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; (4) Giám sát công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh; (5) Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2022; (6) Giám sát tình hình thực hiện chính sách cho Người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (7) Giám sát việc công nhận gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (8) Giám sát việc triển khai xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (9) Giám sát về việc hỗ trợ tái định cư cho người dân (*vùng đồng bào DTTS*) có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở giai đoạn 2016-2020 thuộc nhóm đối tượng 1 tại Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025; (10) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.